

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5175 /BKHĐT-GSTĐĐT  
V/v Tổng hợp công tác giám sát,  
đánh giá tổng thể đầu tư năm 2015

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2016

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư, trên cơ sở báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2015 của các Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty 91 (gọi chung là các cơ quan), Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2015 như sau:

**1. Về tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư**

**a) Về cơ sở pháp lý:**

Thực hiện các quy định về giám sát, đánh giá đầu tư tại Luật Đầu tư công (có hiệu lực từ ngày 01/01/2015), Luật Xây dựng (có hiệu lực từ ngày 01/01/2015), Luật Đầu tư (có hiệu lực từ ngày 01/7/2015), Chính phủ đã ban hành Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 về giám sát và đánh giá đầu tư (thay thế Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009), Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015, quy định về mẫu báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư (thay thế Thông tư số 13/2010/TT-BKH ngày 02/6/2010).

**b) Về Hệ thống thông tin về giám sát và đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước (Hệ thống thông tin):**

Thực hiện chủ trương ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giám sát, đánh giá đầu tư, nhằm từng bước hiện đại hóa công tác giám sát, đánh giá đầu tư cũng như công khai, minh bạch thông tin các chương trình, dự án đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng Hệ thống thông tin về giám sát và đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước và đưa vào vận hành từ cuối năm 2015.

Để triển khai công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định mới và triển khai Hệ thống thông tin trong giám sát, đánh giá đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 11398/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 28/12/2015 và số 1078/BKHĐT-

GSTĐĐT ngày 23/02/2016 gửi các cơ quan triển khai công tác giám sát, đánh giá đầu tư; lập và gửi báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư qua Hệ thống thông tin.

Trong năm 2015 và đầu năm 2016, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã triển khai và hoàn thiện công tác đào tạo, hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến công tác giám sát, đánh giá đầu tư; hướng dẫn việc sử dụng Hệ thống thông tin đến các cơ quan trên phạm vi cả nước.

Đây là năm đầu tiên thực hiện các quy định về giám sát và đánh giá đầu tư theo Nghị định số 84/2015/NĐ-CP và triển khai cập nhật thông tin về giám sát và đánh giá đầu tư trên Hệ thống thông tin, trong đó có nhiều nội dung phải cập nhật nên thời gian báo cáo và tổng hợp báo cáo bị chậm hơn so với quy định.

Căn cứ các báo cáo đã được cập nhật trên Hệ thống thông tin, kết quả kiểm tra công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư một số địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin tổng hợp về công tác báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2015 như sau:

## **2. Về tình hình thực hiện chế độ báo cáo về giám sát, đánh giá đầu tư**

### ***a) Về Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư:***

Đến ngày 20/5/2016, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2015 cập nhật trên Hệ thống thông tin của 105/125 cơ quan đạt 84,0%; trong đó: 55/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đạt 87,30%); 21/32 cơ quan Bộ và tương đương (đạt 65,63%); 9/9 cơ quan thuộc Chính phủ (đạt 100%); 18/19 Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty 91 (đạt 94,7%).

Các cơ quan chưa cập nhật được thông tin tổng hợp trên Hệ thống thông tin gồm: tỉnh Yên Bái, tỉnh Lai Châu, tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Quảng Nam, tỉnh Hải Dương, tỉnh Lào Cai, tỉnh Hưng Yên; Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Ủy ban dân tộc, Trung ương đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam; Tổng công ty Lương thực Miền Nam.

Một số cơ quan đã thực hiện báo cáo bằng văn bản, nhưng các thông tin chưa được triển khai cập nhật vào Hệ thống thông tin hoặc có cập nhật nhưng các bảng biểu, số liệu chưa đầy đủ như các tỉnh: Long An, Cao Bằng, Bạc Liêu, Kon Tum, Hà Tĩnh, Tây Ninh, Vĩnh Phúc, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Ninh Thuận, thành phố Cần Thơ, Bắc Giang, Bình Định, Ninh Bình, Hậu Giang, Vĩnh Long, Sơn La, Đắk Lắk, Điện Biên, Bến Tre, Đồng Nai,...

### ***b) Về các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước:***

Trong thời gian qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các chủ đầu tư cập nhật thông tin về các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước của các Bộ, ngành, địa phương và các dự án sử dụng vốn nhà nước của các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty 91 (từ nhóm B trở lên).

Hiện tại, trên Hệ thống thông tin đã cập nhật thông tin chi tiết của 7.471 dự án. Trong thời gian tới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp Hệ thống thông tin để theo dõi, cập nhật thông tin của tất cả các dự án sử dụng vốn nhà nước; công khai, chia sẻ thông tin về đầu tư tới tất cả các cơ quan, tổ chức và người dân để cùng phối hợp giám sát, đánh giá theo quy định của pháp luật.

### ***c) Đánh giá chung về nội dung báo cáo***

Nhìn chung các cơ quan đã có nhiều cố gắng trong cập nhật các quy định mới, cũng như cập nhật các số liệu vào Hệ thống thông tin. Việc cập nhật số liệu vào Hệ thống thông tin sẽ giúp công tác tổng hợp nhanh và chính xác, góp phần từng bước nâng cao chất lượng công tác giám sát, đánh giá đầu tư, giảm bớt khối lượng báo cáo giấy, hướng đến mục tiêu các thông tin của các chương trình, dự án sử dụng vốn nhà nước sẽ được đăng tải trên mạng internet theo quy định để các tổ chức, cá nhân và xã hội tra cứu và cùng giám sát, đánh giá. Tuy nhiên, do đây là những quy định mới có hiệu lực, do vậy, mặc dù đã có nhiều cố gắng song vẫn không tránh khỏi các sai sót.

Trong thời gian tới, đề nghị các cơ quan tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật các quy định hiện hành, hoàn thiện, nâng cao chất lượng công tác giám sát, đánh giá đầu tư của cơ quan, đặc biệt là cập nhật số liệu báo cáo đầy đủ trên Hệ thống thông tin.

## **3. Đánh giá tình hình thực hiện quản lý đầu tư**

### ***3.1. Tình hình xây dựng, hoàn thiện môi trường pháp lý cho các hoạt động đầu tư và giám sát, đánh giá đầu tư***

Năm 2015, nhiều đạo luật quan trọng liên quan đến lĩnh vực đầu tư được Quốc hội thông qua có hiệu lực, bao gồm:

- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 có hiệu lực từ 01/01/2015;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 có hiệu lực từ 01/01/2015;
- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 có hiệu lực từ 01/7/2015.
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực từ 01/7/2015.

- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/7/2015.

Các Bộ, ngành đã xây dựng và trình Chính phủ ban hành nhiều Nghị định hướng dẫn các Luật nêu trên. Đến nay, hầu hết các Nghị định hướng dẫn các Luật đã được ban hành, có hiệu lực là cơ sở quan trọng để quản lý và thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trong đó có công tác giám sát và đánh giá đầu tư.

### **3.2. Tình hình quản lý Quy hoạch**

Theo tinh thần Nghị quyết Trung ương số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 về tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai xây dựng dự thảo Luật Quy hoạch, đến hết năm 2015, đã hoàn thành trình Thủ tướng Chính phủ:

- Báo cáo tổng kết công tác quy hoạch.
- Báo cáo rà soát các quy phạm pháp luật hiện hành về công tác quy hoạch.
- Báo cáo đánh giá tác động của Luật Quy hoạch.
- Báo cáo tổng kết kinh nghiệm quốc tế về quy hoạch.
- Dự thảo Luật Quy hoạch.
- Dự thảo 02 Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật.

Về tình hình chung việc lập, thẩm định và phê duyệt các dự án quy hoạch trên phạm vi cả nước như sau:

#### **a) Đối với Quy hoạch phát triển các vùng và lãnh thổ**

- Ngày 13/3/2015, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 343/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài (tỉnh Tây Ninh).

- Ngày 31/7/2015, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1226/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

#### **b) Đối với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

Thực hiện Chỉ thị số 2178/CT-TTg ngày 10/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ, các địa phương đã triển khai xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh. Đến hết năm 2015, đã có 61/63 tỉnh, thành phố được phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 (02 tỉnh Hà Giang và Ninh Bình đang hoàn thiện các thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ).

c) Quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực của các Bộ, ngành

Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, các Bộ, ngành thực hiện lập, thẩm định và phê duyệt nhiều quy hoạch liên quan đến quản lý ngành, lĩnh vực, sản phẩm theo quy định của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ.

### **3.3. Tình hình quản lý các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước**

Theo số liệu báo cáo của 105 cơ quan trên Hệ thống thông tin, tình hình quản lý các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước được tổng hợp như sau:

#### **3.3.1. Tình hình chung:**

a) Việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư các dự án

Năm 2015, theo quy định của Luật Đầu tư công, các dự án sẽ phải lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư. Việc phê duyệt chủ trương đầu tư sẽ giúp việc thực hiện dự án sát với khả năng cân đối nguồn vốn, tránh đầu tư dàn trải, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của từng ngành, từng cấp.

Năm 2015, trên phạm vi cả nước có 13.705 dự án có kế hoạch lập hồ sơ phê duyệt chủ trương đầu tư, trong đó đã được thẩm định 12.470 dự án (đạt 90,99% so với kế hoạch), đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương là 10.755 dự án (đạt 78,48% so với kế hoạch, trong đó có 22 dự án nhóm A, 792 dự án nhóm B, 9.941 dự án nhóm C).

Trong năm đã có 13.102 dự án được thẩm định, các cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư 12.742 dự án, đạt tỷ lệ 97,25% (trong đó có 25 dự án nhóm A, 523 dự án nhóm B, 12.194 dự án nhóm C); trong số các dự án được quyết định đầu tư có 1.143 dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương, 305 dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ, 147 dự án sử dụng vốn ODA, 4.636 dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương, 205 dự án sử dụng vốn đầu tư công khác, 3.489 dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công.

Nhìn chung công tác lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước phù hợp với quy định hiện hành.

b) Tình hình thực hiện các dự án

Năm 2015 có 29.506 dự án thực hiện đầu tư, trong đó có 13.320 dự án chuyển tiếp, chiếm 45%; 16.186 dự án khởi công mới, chiếm 55% (trong số các dự án khởi công mới có 31 dự án nhóm A, 622 dự án nhóm B, còn lại là nhóm C với 15.533 dự án, chiếm 96%); trong năm có 12.491 dự án kết thúc đầu tư đưa vào

khai thác sử dụng chiếm 42,33% số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ (trong đó có 58 dự án nhóm A, 612 dự án nhóm B, 11.184 dự án nhóm C). Trong số các dự án kết thúc đầu tư đưa vào khai thác sử dụng có 127 dự án có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu quả.

Một số cơ quan có số dự án khởi công lớn là: Long An (508 dự án), Tây Ninh (444 dự án), Hà Nội (1.939 dự án), Bắc Kạn (344 dự án), Kiên Giang (1.338 dự án), An Giang (736 dự án), Yên Bái (358 dự án), thành phố Hồ Chí Minh (1.139 dự án), Quảng Nam (382 dự án), Quảng Ngãi (417 dự án), Sơn La (694 dự án), Ninh Thuận (484 dự án),...

Theo số liệu báo cáo, trong năm 2015 có 926 dự án chậm tiến độ, chiếm 3,14% số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ (số dự án nhóm A là 16 dự án, nhóm B là 251 dự án, nhóm C là 659 dự án). Các nguyên nhân chậm tiến độ chủ yếu là: do công tác giải phóng mặt bằng (637 dự án, chiếm 2,16% số dự án thực hiện trong kỳ); do bố trí vốn không kịp thời (359 dự án, chiếm 1,22% số dự án thực hiện trong kỳ); do năng lực của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các nhà thầu (123 dự án, chiếm 0,42% số dự án thực hiện trong kỳ); do thủ tục đầu tư (318 dự án, chiếm 1,08% số dự án thực hiện trong kỳ) và do các nguyên nhân khác (513 dự án, chiếm 1,74% số dự án thực hiện trong kỳ).

Phân tích số liệu của các cơ quan có báo cáo, có 1.106 dự án thực hiện đầu tư trong năm phải điều chỉnh, chiếm 3,75% tổng số dự án thực hiện trong kỳ, trong đó chủ yếu là: điều chỉnh vốn đầu tư (1.011 dự án, chiếm 3,43% số dự án thực hiện trong kỳ); điều chỉnh tiến độ đầu tư (774 dự án, chiếm 2,62% số dự án thực hiện trong kỳ); điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư (554 dự án, chiếm 1,88% số dự án thực hiện trong kỳ); điều chỉnh do các nguyên nhân khác (209 dự án, chiếm 0,71% số dự án thực hiện trong kỳ).

Trong năm 2015 đã phát hiện 03 dự án vi phạm quy định về thủ tục đầu tư; 25 dự án vi phạm về quản lý chất lượng; 90 dự án có thất thoát, lãng phí; 115 dự án phải ngừng thực hiện. Các dự án có thất thoát lãng phí chủ yếu là các chi phí không hợp lý, được phát hiện trong giai đoạn thanh, quyết toán, kiểm toán. Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được phát hiện là 401 tỷ đồng.

#### c) Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư bằng nguồn vốn Nhà nước

Tổng hợp số liệu báo cáo, trong năm 2015, kế hoạch vốn nhà nước cho các cơ quan là 523.687 tỷ đồng (trong đó vốn đầu tư công là 301.414 tỷ đồng, vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công là 222.273 tỷ đồng), đã bố trí trả nợ đọng xây dựng cơ bản 26.696 tỷ đồng, còn thực hiện đầu tư trong năm là 496.991 tỷ đồng; tổng khối lượng đầu tư thực hiện đạt 490.696 tỷ đồng đạt 98,79% so với kế hoạch.

#### d) Tình hình nợ đọng vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Theo số liệu tổng hợp, trong năm 2015, các cơ quan đã bố trí trả nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn vốn nhà nước là 26.696 tỷ đồng; số nợ đọng còn lại là 39.951 tỷ đồng.

Một số địa phương có số nợ đọng xây dựng cơ bản chưa thanh toán tương đối cao như Quảng Ninh (1.067 tỷ đồng), Hải Phòng (1.106 tỷ đồng), Hà Nam (4.645 tỷ đồng), Phú Thọ (1.584 tỷ đồng), Nam Định (1.628 tỷ đồng), Vĩnh Phúc (1.821 tỷ đồng), Ninh Thuận (1.109 tỷ đồng), Ninh Bình (5.711 tỷ đồng), Hà Giang (2.596 tỷ đồng),...

#### 3.3.2. Đánh giá chung

Trong thời gian qua, công tác đầu tư từ ngân sách Trung ương được chấn chỉnh và có nhiều chuyển biến tích cực, nguồn vốn ngân sách được bố trí tập trung hơn, hiệu quả đầu tư bước đầu được nâng cao. Việc đầu tư từ các nguồn vốn nhà nước khác, đặc biệt từ nguồn vốn ngân sách địa phương và vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước đã bước đầu có chuyển biến nhưng vẫn còn tồn tại cần khắc phục:

- Mặc dù Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã có những chỉ đạo quyết liệt, nhiều dự án vẫn còn chậm tiến độ, tỷ lệ các dự án phải điều chỉnh vẫn còn khá cao. Việc chậm tiến độ là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm tăng chi phí, giảm hoặc không còn hiệu quả đầu tư, tác động tiêu cực đến nền kinh tế; các dự án đầu tư phải điều chỉnh, đặc biệt là tăng tổng mức đầu tư một mặt gây rất nhiều khó khăn cho công tác cân đối nguồn vốn thực hiện, mặt khác cũng ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả đầu tư. Trách nhiệm về tình trạng nêu trên trước hết thuộc về các chủ đầu tư và người có thẩm quyền quyết định đầu tư.

- Tỷ lệ thực hiện vốn đầu tư và số dự án hoàn thành các thủ tục quyết toán trong thời gian qua ở một số cơ quan còn thấp, đòi hỏi phải có giải pháp đẩy mạnh tiến độ giải ngân vốn đầu tư và quyết toán vốn đầu tư, đặc biệt là các dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng quá 6 tháng.

- Tỷ lệ giá trị thực hiện đầu tư/kế hoạch vốn đầu tư được giao trong năm ở một số cơ quan đạt thấp như: tỉnh Nam Định (55%), Bộ Y tế (56%), Bạc Liêu (67%), Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (41%), Sóc Trăng (65%), Ninh Bình (47%),...; Một số cơ quan lại quá cao như: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (126%), tỉnh Nghệ An (137%), Bộ Công Thương (126%), tỉnh Phú Thọ (137%), tỉnh Hà Nam (229%), tỉnh Tiền Giang (139%),... Đề nghị, các cơ quan: rà soát, kiểm tra, đối với cơ quan có giá trị thực hiện thấp cần có giải pháp kịp thời tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân, điều chỉnh đối với các

dự án, chương trình không hoàn thành kế hoạch; đối với các cơ quan có giá trị thực hiện vượt quá cao so với kế hoạch cũng cần rà soát, kiểm tra, tránh tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

Trong thời gian tới, điều kiện nguồn vốn đầu tư còn nhiều khó khăn, đề nghị các cơ quan xem xét kỹ lưỡng quá trình lựa chọn các chương trình, dự án (đặc biệt các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương) để thực hiện các thủ tục quyết định đầu tư, khởi công mới, ưu tiên các dự án phục vụ an sinh xã hội, phù hợp khả năng cân đối của nguồn ngân sách, tránh đầu tư dàn trải, hiệu quả thấp. Các cơ quan cần tích cực theo dõi, kiểm tra, trên cơ sở đó chấn chỉnh, giải quyết kịp thời các phát sinh trong quá trình đầu tư, bảo đảm các dự án thực hiện đúng trình tự thủ tục đầu tư, tiến độ đầu tư, thanh quyết toán đầu tư.

### ***3.4. Tình hình quản lý các dự án đầu tư theo hình thức PPP***

Trong bối cảnh nguồn ngân sách còn rất hạn chế so với nhu cầu đầu tư, việc khuyến khích và mở rộng việc đầu tư theo hình thức PPP là một chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước.

Theo số liệu tổng hợp, trong năm 2015 có 161 dự án theo hình thức PPP thực hiện các thủ tục đề xuất dự án (trong đó có 94 dự án do cơ quan nhà nước đề xuất, 67 dự án do nhà đầu tư tự đề xuất); 80 dự án có quyết định đầu tư, 77 dự án hoàn thành lựa chọn nhà đầu tư, 49 dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, 45 dự án hoàn tất thủ tục về Hợp đồng dự án.

Tổng vốn đầu tư của các dự án PPP theo kế hoạch trong năm là 97.952 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư công tham gia là 16,23 tỷ đồng, chiếm 0,02%; vốn chủ sở hữu của các nhà đầu tư là 14.979 tỷ đồng, chiếm 15,29%; vốn vay thương mại là 82.957 tỷ đồng, chiếm 84,69%. Tổng giá trị thực hiện là 51.406 tỷ đồng, đạt 52,48% so với kế hoạch.

### ***3.5. Tình hình quản lý các dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác***

Tổng hợp số liệu từ các cơ quan, năm 2015 có 2.460 dự án nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư (trong đó có 195 dự án đầu tư nước ngoài, 2.265 dự án đầu tư trong nước), 2.190 dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, 1.052 dự án được điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Số dự án thực hiện đầu tư trong năm là 3.592 dự án (trong đó có 1.226 dự án thuộc diện không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư). Tổng vốn đầu tư đăng ký trong năm là 506.495 tỷ đồng, tổng vốn đầu tư đã thực hiện là 172.742 tỷ đồng, đạt 34%.

Trong năm 2015 có 1.834 dự án sử dụng nguồn vốn khác được kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện có 243 dự án có vi phạm quy định liên quan đến quản lý đầu tư



(chiếm 13,25% tổng số dự án được kiểm tra); 181 dự án có vi phạm về bảo vệ môi trường (chiếm 9,87% tổng số dự án được kiểm tra), 52 dự án có vi phạm về sử dụng đất (chiếm 2,84% tổng số dự án được kiểm tra); đã thu hồi 249 Giấy chứng nhận đầu tư (chiếm 13,54% tổng số dự án được kiểm tra).

Trong năm có 602 dự án kết thúc đầu tư đưa vào khai thác sử dụng (59 dự án đầu tư nước ngoài, 543 dự án đầu tư trong nước), tổng số tiền từ các dự án sử dụng nguồn vốn khác nộp ngân sách là khoảng 24.177 tỷ đồng (trong đó các dự án đầu tư nước ngoài nộp 18.838 tỷ đồng).

Năm 2015 là năm đầu thực hiện Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp năm 2014 với nhiều quy định mới theo hướng tạo điều kiện thuận lợi và thông thoáng cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp như ngành nghề kinh doanh, điều kiện kinh doanh. Tuy nhiên, trong năm 2015 các Nghị định hướng dẫn chưa được ban hành kịp thời cũng đã phần nào ảnh hưởng tới việc đầu tư từ các nhà đầu tư.

Công tác kiểm tra, đánh giá đầu tư các dự án từ các nguồn vốn khác còn rất hạn chế. Để bảo đảm việc đầu tư phù hợp với các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, địa phương cũng như phát hiện, ngăn chặn kịp thời các vấn đề tiêu cực có thể phát sinh từ việc đầu tư các dự án (đặc biệt là vấn đề môi trường, sử dụng đất đai, tài nguyên, lao động,...), các cơ quan liên quan ngoài việc quản lý chặt chẽ các chương trình, dự án đầu tư công cũng cần tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư chặt chẽ các dự án sử dụng các nguồn vốn khác phù hợp các quy định hiện hành.

### ***3.6. Tình hình giám sát đầu tư của cộng đồng:***

Theo tổng hợp có 10.861 dự án đã được cộng đồng giám sát, trong đó có 261 dự án có phát hiện vi phạm; 1.413 dự án chưa được cộng đồng giám sát, trong đó có 611 dự án do các cơ quan, chủ đầu tư chưa công khai thông tin.

## **4. Tình hình thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư**

### ***a) Về các dự án sử dụng vốn nhà nước:***

Tổng hợp số liệu báo cáo của các cơ quan trong năm 2015 có 24.849 dự án trên tổng số 29.506 dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước thực hiện đầu tư trong kỳ thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư, đạt tỉ lệ 84,22%.

Trong năm 2015, các cơ quan quản lý nhà nước đã tiến hành kiểm tra 10.380 dự án (chiếm 35,18% tổng số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ), tổ chức đánh giá 8.843 dự án (chiếm 29,97% tổng số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ).

### ***b) Về các dự án thực hiện đầu tư theo hình thức PPP:***

Tổng hợp số liệu báo cáo của các cơ quan trong năm 2015 có 104 dự án trên tổng số 120 dự án đầu tư theo hình thức PPP thực hiện đầu tư trong kỳ thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư, đạt tỉ lệ 86,67%, trong đó 85 dự án được đánh giá đạt tỉ lệ 70,83%.

### ***c) Về các dự án sử dụng nguồn vốn khác***

Trong năm có 1.834 dự án sử dụng nguồn vốn khác trên tổng số 3.592 dự án thực hiện đầu tư trong kỳ được kiểm tra, đánh giá, đạt tỉ lệ 51,1%.

Theo chức năng nhiệm vụ, hằng năm các cơ quan đều xây dựng kế hoạch và thực hiện thanh tra, kiểm tra nhiều dự án đầu tư. Thông qua các cuộc thanh tra, kiểm tra đã phát hiện và xử lý sai phạm; hoạt động đầu tư của các cơ quan, chủ đầu tư được chấn chỉnh và dần đi vào nề nếp.

Cũng theo báo cáo của các cơ quan, chất lượng báo cáo của một số chủ đầu tư gửi đến các Bộ, ngành, địa phương chưa đáp ứng yêu cầu, chưa báo cáo đầy đủ các nội dung theo quy định, nhiều chủ đầu tư không báo cáo theo quy định hoặc có báo cáo nhưng mang tính hình thức, thiếu các thông tin chi tiết, nên báo cáo tổng hợp của các Bộ, ngành và địa phương cũng không đủ các số liệu cụ thể. Nguyên nhân của tình trạng này chủ yếu là do công tác giám sát, đánh giá đầu tư triển khai tại các cơ quan và các chủ đầu tư chưa được quán triệt đầy đủ; cán bộ làm công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo chế độ kiêm nhiệm; nhiều chủ đầu tư chưa cập nhật hết các nội dung báo cáo theo quy định.

## **5. Kiến nghị**

Qua tổng hợp tình hình và kết quả công tác giám sát, đánh giá đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị các Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91:


- Tích cực triển khai thực hiện tốt các quy định về quản lý đầu tư nói chung và công tác giám sát, đánh giá đầu tư nói riêng theo quy định của Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và các quy định pháp luật liên quan.

- Kiện toàn bộ máy và quy trình thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong phạm vi quản lý của mình; tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực về công tác giám sát, đánh giá đầu tư cho các chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các đối tượng liên quan.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, các chủ đầu tư tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư; cập nhật các thông tin về dự án đầu tư trên Hệ thống thông tin theo quy định.

- Phản hồi, xử lý các kiến nghị của các chủ đầu tư theo thẩm quyền; giải quyết kịp thời các vướng mắc trong quá trình thực hiện đầu tư, quản lý, kiểm soát tốt kế hoạch đầu tư, chi phí đầu tư, các vấn đề liên quan đến nợ đọng xây dựng cơ bản, tập trung đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm hiệu quả đầu tư.

- Thực hiện nghiêm việc xử lý hành vi vi phạm các quy định về Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP, đặc biệt là xử lý các chủ đầu tư không thực hiện Báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư theo quy định; gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kết quả xử lý để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong kỳ tiếp theo.

Kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và có ý kiến chỉ đạo. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, UBKT Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND và Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế nhà nước, các Tổng Công ty 91;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, GS&TĐĐT (3 bản) (K). 235

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Chí Dũng**

**PHỤ BIỂU 01**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRONG KỲ BÁO CÁO**

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm	Trong đó bố trí trả nợ động XDCB	Nợ đọng XDCB còn lại	Tình hình thực hiện		Tình hình giải ngân		Thất thoát, lãng phí được phát hiện
					Giá trị	So với KH(%)	Giá trị	So với KH(%)	
I	Dự án sử dụng vốn nhà nước	545.537	26.897	40.508	509.867	98	505.581	86	401
1	<b>Vốn đầu tư công</b>	<b>301.397</b>	<b>24.150</b>	<b>39.928</b>	<b>302.146</b>	<b>109</b>	<b>296.900</b>	<b>86</b>	<b>401</b>
1.1	Vốn ngân sách nhà nước	165.920	14.953	32.543	146.026	97	148.958	99	191
a	Vốn NSTW	57.182	4.506	18.853	48.669	92	49.741	87	100
b	Vốn NSĐP	108.738	10.447	13.690	97.357	99	96.442	89	91
1.2	Vốn ODA	67.281	91	844	58.974	88	52.875	79	100
1.3	Vốn TPCP	33.596	1.439	3.726	26.258	82	27.030	80	100
1.4	Vốn đầu tư công khác	34.600	915	1.172	32.382	96	32.028	93	10
2	<b>Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công</b>	<b>220.951</b>	<b>2.546</b>	<b>24</b>	<b>187.467</b>	<b>86</b>	<b>188.565</b>	<b>85</b>	<b>-</b>
3	<b>Vốn khác</b>	<b>23.189</b>	<b>202</b>	<b>556</b>	<b>20.254</b>	<b>88</b>	<b>20.117</b>	<b>87</b>	<b>-</b>
3.1	Trong nước	21.447	184	153	18.421	87	18.276	85	-
3.2	Nước ngoài	1.741	18	403	1.833	106	1.841	106	-
II	<b>Dự án đầu tư theo hình thức PPP</b>	<b>60.667</b>	-	-	<b>9.426</b>	<b>16</b>	<b>11.740</b>	<b>51</b>	<b>-</b>
1	<b>Vốn đầu tư công tham gia (không tính vào tổng vốn đầu tư)</b>	<b>16</b>	-	-	<b>9</b>	<b>55</b>	<b>2.502</b>	<b>15.414</b>	<b>-</b>
2	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>10.553</b>	-	-	<b>4.412</b>	<b>131</b>	<b>4.380</b>	<b>41</b>	<b>-</b>

2.1	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công	108	-	-	96	89	91	85	-
2.2	Vốn khác (Trong nước)	10.446	-	-	4.316	41	4.289	41	-
2.3	Vốn khác (Nước ngoài)	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>3</b>	<b>Vốn vay</b>	<b>50.097</b>	-	-	<b>5.006</b>	<b>10</b>	<b>4.858,10</b>	<b>50</b>	-
3.1	Vốn đầu tư công	-	-	-	-	-	-	-	-
3.2	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công	1.215	-	-	1.251	103	1.106	91	-
3.3	Vốn trong nước	48.415	-	-	3.752	8	3.752	8	-
3.4	Vốn nước ngoài	467	-	-	2	1	-	-	-
<b>III</b>	<b>Dự án sử dụng nguồn vốn khác</b>	<b>397.686</b>	<b>57</b>	<b>1.471</b>	<b>301.708</b>	<b>76</b>	<b>283.496</b>	<b>71</b>	-
1	Vốn trong nước	208.026	57	1.471	122.491	59	114.877	55	-
2	Vốn nước ngoài	189.661	1	0	179.217	94	168.619	89	-
<b>IV</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.003.890</b>	<b>26.955</b>	<b>41.979</b>	<b>821.001</b>	<b>84</b>	<b>800.817</b>	<b>89</b>	<b>401</b>
1	Vốn đầu tư công (I.1 + II.1 + II.3.1)	301.414	24.150	39.928	302.155	109	299.401	86	401
2	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công (I.2 + II.2.1 + II.3.2)	222.273	2.546	24	188.814	86	189.762	85	-
3	Vốn khác	480.203	260	2.027	330.033	69	311.654	98	-
	Trong nước (I.3.1 + II.2.2 + II.3.3 + III.1)	288.334	241	1.624	148.980	52	141.194	49	-
	Nước ngoài (I.3.2 + II.2.3 + II.3.4 + III.2)	191.869	19	403	181.053	94	170.459	49	-

**PHỤ BIỂU 02**  
**TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

STT	Nội dung	CTMTQG	CTMT	CTMTĐP
<b>I</b>	<b>Chủ chương trình</b>	-	-	-
1	Số lượng			
2	Tổng vốn kế hoạch	567.919	732.762	1.237
3	Giá trị thực hiện	569.077	735.782	1.068
4	Giá trị giải ngân	541.432	688.761	1.044
<b>II</b>	<b>Chủ dự án thành phần</b>	-	-	-
1	Số lượng	2.046	280	14
2	Tổng vốn kế hoạch	565.817	731.615	798
3	Giá trị thực hiện	565.328	735.343	785
4	Giá trị giải ngân	540.133	687.942	785
<b>III</b>	<b>Chủ đầu tư dự án thuộc các chương trình</b>	-	-	-
1	Số lượng	2.700	540	400
2	Tổng vốn kế hoạch	566.960	735.508	93.364
3	Giá trị thực hiện	566.390	738.422	90.089
4	Giá trị giải ngân	541.097	691.054	72.235

**PHỤ BIỂU 03**

**TÍNH HÌNH THỰC HIỆN GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC**

ST T	Nội dung	Tổng cộng các dự án sử dụng vốn nhà nước				Phân theo nguồn vốn								
						Dự án sử dụng NSTW				TPCP	ODA	NSDP	Vốn ĐTC khác	DA SD vốn NN ngoài vốn đầu
		Tổng số	A	B	C	Tổng số	A	B	C					
		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
<b>I</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	7	-	2	5	-	-	-	-	-	-	-	-	7
1	Chủ trương đầu tư	7	-	2	5	-	-	-	-	-	-	-	-	7
a	Số dự án có kế hoạch chuẩn bị chủ trương đầu tư trong kỳ	13.705	70	1.697	11.938	1.398	15	757	626	118	193	6.252	1.430	804
b	Số dự án được thẩm định chủ trương trong kỳ	12.470	40	1.405	11.025	1.373	11	740	622	119	105	5.602	1.189	578
c	Số dự án có quyết định chủ trương trong kỳ	10.755	22	792	9.941	722	2	309	411	107	101	4.978	1.057	537
2	Quyết định đầu tư	21	-	4	17	4	-	4	-	-	-	17	-	-
a	Số dự án có kế hoạch lập BCNCKT trong kỳ	11.098	33	514	10.551	878	11	164	703	248	160	3.135	222	3.623
b	Số dự án được thẩm định trong kỳ	13.102	29	612	12.461	1.226	12	236	978	275	157	4.401	193	3.462
c	Số dự án có quyết định đầu tư trong kỳ	12.742	25	523	12.194	1.143	12	173	958	305	147	4.636	205	3.489
<b>II</b>	<b>Thực hiện đầu tư</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ	29.506	282	2.807	26.417	3.428	44	904	2.480	984	732	12.489	1.026	5.970
a	Số dự án chuyển tiếp	13.320	251	2.185	10.884	2.071	36	693	1.342	549	444	6.233	358	1.870
b	Số dự án khởi công mới trong kỳ	16.186	31	622	15.533	1.357	8	211	1.138	435	288	6.256	668	4.100
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trong kỳ	24.849	294	2.108	22.447	2.261	35	557	1.669	779	716	9.047	547	6.324

3	Số dự án đã thực hiện kiểm tra trong kỳ ( do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN thực hiện)	10.380	162	1.147	9.071	1.205	12	380	813	329	367	3.630	205	4.309
4	Số dự án đã thực hiện đánh giá trong kỳ	8.843	201	1.131	7.511	838	15	296	527	442	352	3.711	350	2.839
5	Số dự án có vi phạm về thủ tục đầu tư được phát hiện trong kỳ	3	-	1	2	1	-	1	-	-	-	2	-	-
a	Không phù hợp với quy định	2	-	-	2	-	-	-	-	-	-	2	-	-
b	Phê duyệt không đúng thẩm quyền	1	-	1	-	1	-	1	-	-	-	-	-	-
c	Không thực hiện đầy đủ trình tự thẩm tra, thẩm định dự án	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý chất lượng được phát hiện trong kỳ (theo quy định về quản lý chất lượng hiện hành)	25	-	9	16	12	-	9	3	-	-	10	2	-
7	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện trong kỳ (sau khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán)	90	-	7	83	55	-	1	54	1	3	33	2	-
a	Tổng vốn đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện	1.758	-	696.9	1061.5	888	-	359	529	190.2	-	630.6	40.8	-
b	Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định	14	-	6.89	6.94	13	-	6.7	5.9	1.82	-	0.45	0.47	-
8	Số dự án chậm tiến độ trong kỳ	926	16	251	659	212	6	106	100	13	51	244	34	372
a	Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư	318	15	69	234	61	2	24	35	3	33	79	4	107
b	Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng	637	5	175	457	66	3	29	34	8	19	306	7	201



c	Số dự án chậm tiến độ do năng lực của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các nhà thầu	123	6	47	70	45	1	29	15	2	4	32	6	15
d	Số dự án chậm tiến độ do bố trí vốn không kịp thời	359	3	120	236	77	3	39	35	12	6	114	50	21
đ	Số dự án chậm do các nguyên nhân khác	513	20	123	370	116	4	52	60	18	20	284	30	112
9	Số dự án phải điều chỉnh trong kỳ	1.106	33	215	858	124	2	60	62	39	25	603	107	217
a	Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư	554	13	124	417	83	2	33	48	35	17	351	2	59
b	Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư	1.011	26	110	875	86	-	38	48	15	23	520	118	258
c	Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư	774	19	199	556	82	1	36	45	22	32	439	21	199
d	Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác	209	1	47	161	32	-	13	19	6	3	141	-	18
10	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau	115	3	29	83	10	-	8	2	3	2	65	-	33
11	Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ	10.760	157	1.116	9.487	635	28	150	457	243	264	3.825	1.006	4.767
a	Tổng số gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kỳ	43.283	717	6.361	36.205	5.377	199	1.731	3.447	656	858	22.153	675	11.385
-	Chỉ định đấu thầu	45.051	634	5.473	38.944	5.766	185	1.502	4.079	708	489	23.598	870	5.794
-	Đấu thầu hạn chế	733	85	205	443	391	58	170	163	1	32	179	1	72
-	Đấu thầu rộng rãi	10.314	652	2.264	7.398	1.261	109	563	589	184	764	4.158	129	3.000
-	Hình thức khác	6.515	172	417	5.926	484	40	79	365	37	105	2.126	11	2.789
b	Tổng số gói thầu có vi phạm thủ tục đấu thầu được phát hiện trong kỳ	44	-	12	32	12	-	7	5	-	1	31	-	-
-	Đấu thầu không đúng quy định	39	-	7	32	7	-	2	5	-	1	32	-	-
-	Ký hợp đồng không đúng quy định	6	-	5	1	5	-	5	-	-	-	1	-	-

III	Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Số dự án kết thúc đầu tư trong kỳ	12.491	58	612	11.821	1.494	13	139	1.342	494	165	6.169	369	3.660
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán	6.028	40	451	5.537	805	1	135	669	264	154	3.185	129	1.523
3	Số dự án được quyết toán trong kỳ	13.954	29	619	13.306	2.179	2	149	2.028	321	122	5.850	244	3.693
4	Tình hình khai thác vận hành													
a	Số dự án đã đưa vào vận hành	8.176	58	486	7.632	1.153	4	124	1.025	347	154	2.836	172	3.275
b	Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu quả (nếu có)	127	-	19	108	46	-	15	31	-	-	79	-	2
c	Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ	593	3	35	555	25	-	14	11	6	-	148	1	420

**PHỤ BIỂU 04**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ**  
**CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC PPP**

TT	Nội dung	Tổng số	Phân theo nhóm		
			A*	B	C
<b>I</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>		-		-
1	Danh mục dự án		-	-	-
a	Số dự án thực hiện thủ tục đề xuất đầu tư.	161	41	67	53
-	Do cơ quan nhà nước đề xuất	94	24	39	31
-	Do nhà đầu tư đề xuất	67	17	28	22
b	Số dự án được phê duyệt đề xuất, công bố	101	15	42	44
2	Số dự án có quyết định đầu tư	80	17	42	21
3	Số dự án hoàn thành lựa chọn nhà đầu tư	77	20	39	18
-	Chỉ định nhà đầu tư	42	13	19	10
-	Đấu thầu rộng rãi	35	7	20	8
4	Số dự án được cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	49	12	25	12
5	Số dự án được điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	4	2	2	-
6	Số dự án hoàn tất các thủ tục Hợp đồng dự án	45	8	22	15
<b>II</b>	<b>Thực hiện đầu tư</b>		-	-	-
1	Số dự án thực hiện đầu tư		-	-	-
a	Số dự án chuyển tiếp	72	23	47	2
b	Số dự án khởi công mới	48	11	29	8
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định	104	28	68	8
3	Số dự án đã thực hiện kiểm tra ( do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN thực hiện)	92	23	63	6
4	Số dự án đã thực hiện đánh giá	85	23	56	6
5	Số dự án có vi phạm quy định về thủ tục đầu tư, quản lý chất lượng được phát hiện		-	-	-

6	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện (sau khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán)		-	-	-
a	Tổng vốn đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện		-	-	-
b	Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định		-	-	-
7	Số dự án chậm tiến độ		-	-	-
a	Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư	13	2	11	-
b	Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng	16	2	14	-
c	Số dự án chậm tiến độ do năng lực của Nhà đầu tư, nhà thầu	2	-	2	-
d	Số dự án chậm do các nguyên nhân khác		-	-	-
8	Số dự án phải điều chỉnh		-	-	-
a	Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư	1	1	-	-
b	Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư	3	2	1	-
c	Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư	2	1	1	-
d	Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác		-	-	-
9	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau	1	-	1	-
<b>III</b>	<b>Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng</b>		-	-	-
1	Số dự án kết thúc đầu tư	10	-	4	6
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán	46	9	31	6
3	Số dự án được quyết toán	0	-	-	0
4	Tình hình khai thác vận hành	5	-	-	5
a	Lũy kế số dự án đã đưa vào vận hành	51	9	31	11
b	Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật		-	-	-
c	Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu quả (nếu có)		-	-	-

**PHỤ BIỂU 5**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG CÁC NGUỒN VỐN KHÁC**

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	Dự án FDI			Dự án trong nước		
			(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	Số dự án nộp thủ tục xin chủ trương đầu tư	2.460	15	178	2	16	2.160	89
2	Số dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư	1.284	14	152	3	7	1.072	36
3	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ	2.190	1	743	159	21	737	529
4	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh trong kỳ	1.052	1	496	52	20	301	182
5	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ	57	-	14	-	-	43	-
-	Dự án cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	2.366	35	486	195	25	1.347	278
-	Dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.226	-	11	76	20	705	414
6	<b>Vốn đầu tư đăng ký (tỷ đồng):</b>	14.067	-	4.268	-	-	9.799	-
a	Lũy kế tổng vốn đăng ký đầu tư	2.433.814	30.185	715.463	235.946	50.098	1.158.650	243.472
b	Tổng số vốn đăng ký đầu tư tăng thêm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
-	Dự án đăng ký mới	359.713	8	66.073	27.315	433	246.704	19.180
-	Dự án đăng ký điều chỉnh tăng vốn đầu tư	146.782	-	69.610	17.770	431	53.255	5.716
7	<b>Vốn đầu tư thực hiện (tỷ đồng):</b>	-	-	-	-	-	-	-
a	Lũy kế tổng vốn đầu tư thực hiện	1.156.817	12.193	418.468	46.214	48.000	550.545	81.396
b	Tổng vốn đầu tư thực hiện trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
-	Vốn chủ sở hữu	101.482	70	43.219	7.231	13	48.002	2.947
-	Vốn vay	45.685	-	2.202	1.864	2.070	36.464	3.085
-	Vốn huy động hợp pháp khác	25.577	-	21.778	36	1.571	2.088	104
8	Số dự án đã được kiểm tra, đánh giá trong kỳ	1.834	9	357	180	21	1.118	149

9	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý đầu tư được phát hiện trong kỳ	243	-	25	12	10	166	30
10	Số dự án có vi phạm quy định về bảo vệ môi trường được phát hiện trong kỳ	181	-	45	47	-	72	17
11	Số dự án có vi phạm quy định về sử dụng đất đai được phát hiện trong kỳ	52	-	13	1	-	34	4
12	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý tài nguyên được phát hiện trong kỳ	46	-	10	1	-	27	8
13	Số dự án phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ	249	-	63	15	9	115	47
14	Số dự án đã kết thúc đầu tư trong kỳ	602	-	41	18	-	453	90
15	Số dự án đưa vào khai thác vận hành trong kỳ		-	-	-	-	-	-
a	Số dự án có lợi nhuận	711	1	95	11	-	303	301
b	Tình hình nộp ngân sách (tỷ đồng)	24.177	160	18.679	0	-	2.372	2.966

**PHỤ BIỂU 06**  
**TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG**

STT	Nội dung	Tổng số dự án đầu tư	Trong đó			Ghi chú
			Dự án sử dụng vốn và công sức cộng đồng; vốn ngân sách cấp xã; vốn tài trợ trực tiếp cho xã	Dự án đầu tư công; dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công và dự án đầu tư theo hình thức PPP	Dự án sử dụng vốn khác	
<b>1</b>	<b>Tổng số dự án đầu tư trên địa bàn</b>	10.995	6.061	4.436	498	
<b>2</b>	<b>Tổng số dự án cộng đồng đã giám sát, trong đó:</b>	10.861	7.542	3.184	135	
-	Đúng quy định	10.116	7.177	2.876	63	
-	Có vi phạm	261	152	97	12	
-	Chưa xác định được	484	213	211	60	
<b>3</b>	<b>Tổng số dự án cộng đồng chưa giám sát, trong đó:</b>	1.413	196	853	364	
-	Do các cơ quan chưa công khai thông tin	544	21	421	102	
-	Do chủ đầu tư chưa công khai thông tin	69	29	33	7	
-	Lý do khác	800	146	399	255	
<b>4</b>	<b>Tổng số dự án cộng đồng đã phản ánh có vi phạm</b>	145	68	63	14	
-	Đã có thông báo kết quả xử lý	165	77	76	12	
-	Chưa có thông báo kết quả xử lý	12	9	1	2	
-	Chủ đầu tư đã chấp hành theo thông báo	152	68	77	7	